

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định một số nội dung và mức chi quản lý hoạt động và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 115/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 262/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 65/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Xét Tờ trình số 1809/TTr-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định một số nội dung và mức chi quản lý hoạt động và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra số 229/BC-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành quy định một số nội dung và mức chi quản lý hoạt động và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số nội dung và mức chi quản lý hoạt động và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 7 năm 2026 và thay thế Nghị quyết số 87/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng

nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVIII, Kỳ họp thứ 04 thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm thông tin - Hội nghị, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phan Thắng An

QUY ĐỊNH

Một số nội dung và mức chi quản lý hoạt động và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định một số nội dung và mức chi quản lý hoạt động và thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; cơ quan quản lý hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước.
- Các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, ban hành nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước.
- Các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh và các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

- Áp dụng các nguyên tắc theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN và Điều 3 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.
- Các nội dung chi, mức chi chưa quy định cụ thể tại Quy định này được thực hiện theo Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN và Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.
- Các mức chi tại Quy định này là mức chi tối đa đối với quản lý hoạt động và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Mức chi quản lý hoạt động và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp cơ sở do các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện được áp dụng không quá 50% mức chi của cấp tỉnh theo Quy định này.
- Khuyến khích các đơn vị sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công

nghệ và đổi mới sáng tạo; hoạt động hỗ trợ thực hiện theo các nội dung và định mức chi tại Quy định này.

Chương II

QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG VÀ MỨC CHI QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 4. Một số nội dung chi cho công tác quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Nội dung chi cho công tác quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo Điều 3 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.

Điều 5. Mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Mức chi hoạt động của các Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Mức chi tiền thù lao

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)
1	Chi Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; xác định danh mục đổi mới sáng tạo đặt hàng; xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay; xác định danh mục các chương trình hỗ trợ tài chính, phân bổ kinh phí đối với từng chương trình hỗ trợ tài chính; tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển		
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng	
	Chủ tịch Hội đồng		1.440
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng		1.200
	Thư ký khoa học		250
	Thư ký hành chính		250
	Đại biểu được mời tham dự		160
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)
	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng		560
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện		800
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch Hội đồng		560
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng		400
2	Chi Hội đồng tư vấn điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo		
a	Chi hợp Hội đồng	Hội đồng	
	Chủ tịch Hội đồng		1.200
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		800
	Thư ký khoa học		250
	Thư ký hành chính		250
	Đại biểu được mời tham dự		160
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng		400
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện		560
3	Chi Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)
a	Chi họp Hội đồng	01 Nhiệm vụ có 01 hoặc nhiều đơn vị có nhu cầu ứng dụng kết quả	
	Chủ tịch Hội đồng		1.440
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.200
	Thư ký khoa học		250
	Thư ký hành chính		250
	Đại biểu được mời tham dự		160
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng		560
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, thành viên phản biện		800
4	Chi thù lao chuyên gia tư vấn độc lập; chuyên gia tư vấn độc lập phục vụ Hội đồng; chuyên gia tư vấn độc lập tham gia Tổ chuyên gia	Chuyên gia	1.200

b) Mức chi thù lao của Hội đồng thẩm định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh được áp dụng bằng 120% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1, điểm a, khoản 1 Điều này.

c) Mức chi thù lao của các Hội đồng khác quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN được áp dụng bằng 80% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều này.

d) Mức chi Hội đồng tư vấn đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược được áp dụng bằng 100% mức chi Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều này.

2. Mức chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	800
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	560
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	250
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	160

3. Mức chi thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá trong kỳ, cuối kỳ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

a) Mức chi thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá trong kỳ nhiệm vụ khoa học, công nghệ được áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 và mục 4 điểm a khoản 1 Điều này.

b) Mức chi thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo được áp dụng bằng 100% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 và mục 4 điểm a khoản 1 Điều này.

4. Mức chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, khoa học và công nghệ áp dụng mức chi như sau:

a) Người chủ trì hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 1.600.000 đồng/buổi;

b) Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 500.000 đồng/buổi;

c) Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 3.000.000 đồng/báo cáo;

d) Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo khoa học: 1.500.000 đồng/báo cáo;

đ) Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 300.000 đồng/thành viên/buổi.

Chương III

QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG VÀ MỨC CHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 6. Mức chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học

Mức chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học thực hiện theo khoản 4 Điều 5 Quy định này.

Điều 7. Mức chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Mức chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được áp dụng bằng 50% mức chi cho hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều 5 Quy định này.

Điều 8. Mức chi cho tổ chức chủ trì để thực hiện công tác quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Mức chi kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng/nhiệm vụ.

Điều 9. Mức chi hỗ trợ tư vấn xây dựng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN), quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCĐP)

1. Đối với TCVN được xây dựng trên cơ sở hài hòa tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực: hỗ trợ 60 triệu đồng/01 TCVN có độ dày dưới 50 trang; đối với độ dày từ 50 trang trở lên thì mức hỗ trợ thêm được xác định như sau: đối với TCVN có độ dày dưới 500 trang thì cứ mỗi 100 trang tiếp theo được hỗ trợ thêm không quá 20 triệu đồng; đối với TCVN có độ dày trên 500 trang thì cứ mỗi 100 trang tiếp theo được hỗ trợ thêm không quá 15 triệu đồng.

2. Đối với TCVN, QCVN, QCĐP được xây dựng mới, mức hỗ trợ được xác định theo khối lượng công việc thực tế phát sinh; tiêu chuẩn, chế độ, định mức chi tiêu do Nhà nước quy định và báo giá của nhà cung cấp đối với hạng mục thuê ngoài. Riêng với hạng mục xây dựng dự thảo TCVN, QCVN, QCĐP được xác định bằng 40% mức hỗ trợ đối với TCVN được xây dựng trên cơ sở hài hòa tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Mức chi hỗ trợ chi phí thử nghiệm và chứng nhận đối với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm xuất khẩu chủ lực

Hỗ trợ một lần cho một doanh nghiệp chi phí thử nghiệm và chứng nhận đối với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm xuất khẩu chủ lực theo quy định tại khoản 5 Điều 6c Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa bằng 30% giá trị hợp đồng thử nghiệm và chứng nhận.

Điều 11. Mức chi hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ; hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo

1. Hỗ trợ sinh hoạt phí cho người thực hiện nghiên cứu (nghiên cứu sau tiến sĩ, nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sĩ, học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ, nhà khoa học xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng) không sống tại tỉnh, thành phố có đơn vị chủ trì nghiên cứu trong thời gian không quá 12 tháng là 10 triệu đồng/01 tháng cho các đối tượng quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 38 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

2. Hỗ trợ hoạt động sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung của doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ

a) Hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/năm đối với chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung.

b) Hỗ trợ không quá 5 triệu đồng/tháng đối với chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung. Thời gian hỗ trợ tối đa là 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê mặt bằng.

3. Hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ), chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dàn dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện ngày hội đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, cấp quốc gia, quốc tế; tổ chức trình diễn, giới thiệu các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến: hỗ trợ 10 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và các nguồn kinh phí hỗ trợ hợp pháp khác cho hoạt động khoa học và công nghệ (bao gồm nguồn ngân sách Trung ương và địa phương).

Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với dự toán của các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ, giao dự toán kinh phí hoặc đã ký hợp đồng, các hoạt động quản lý của cơ quan quản lý khoa học công nghệ đã thực hiện trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định về quản lý tài chính tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ./.